

Bản án số: 502/2024/HSPT

Ngày: 21-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Anh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 415/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Hồng K** và các bị cáo khác về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Hồng K, sinh ngày 04/9/1992 tại tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình**; nơi ở hiện tại: **2 N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH MTV T12**; con ông **Lê Hồng P**, sinh năm 1965 và bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1965; có vợ **Phan Thị Tường V**, sinh năm 1992; có 01 con, sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 30/6/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

2. Trương Ngọc Đ, sinh ngày 17/4/1986 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Số F, Kiệt E D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng của **Trung tâm Q1**; con ông **Trương Đình D** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1960; có vợ **Hoàng Thị T1**, sinh năm 1987; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 30/6/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

3. Lê H, sinh ngày 10/12/1964 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Số F, ngõ F, kiệt A đường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc **Trung tâm Q1**; con ông **Lê P1** (đã chết) và bà **Trần Thị T2** (đã chết); có vợ **Trần Thị Xuân A**, sinh năm 1965; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 30/6/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

4. Hoàng Phước T3, sinh ngày 27/11/1975 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT: **14 Kiệt D N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; chỗ ở: **3 N, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc **Ban Q2**; con ông **Hoàng T4**, sinh năm 1947 và bà **Đỗ Thị C1**, sinh năm 1946; có vợ **Lê Thị Thu S**, sinh năm 1979; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến ngày 22/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

5. Nguyễn Đăng P2, sinh ngày 15/5/1965 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKKHKT: **Số A kiệt A Bà T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; chỗ ở: **Xóm D, tổ dân phố L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Trưởng phòng Phòng Kế hoạch kỹ thuật thuộc **Ban Q2**; con ông **Nguyễn P3** (đã chết) và bà **Hoàng Thị C2**, sinh năm 1944; có vợ **Hồ Thị Hà H1**, sinh năm 1971; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến ngày 11/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng K và Lê H: Ông **Đặng Văn Q**, Luật sư - **Công ty L2** và Cộng sự. Địa chỉ: **1 Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Phước T3 và Nguyễn Đăng P2: Ông **Nguyễn T5**, Luật sư - **Văn phòng L3** (HUELAW). Địa chỉ: **C N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, có mặt.

Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B**; địa chỉ: **0 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Giám định viên: Ông **Lê Văn H2**, Phân viện trưởng và ông **Nguyễn Văn L**, Phó Phân viện trưởng, vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 25/6/2021 đến ngày 30/6/2021, tại các **tiểu khu A**, 152, 159 thuộc rừng trồng của **Ban Q2** (gọi tắt là **Ban Q2** - Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T**) xảy ra 02 vụ cháy. Sau khi xảy ra cháy rừng, **Hạt kiểm lâm thị xã H** đã phối hợp với **Ban Q2** tiến hành lập biên bản kiểm tra, xác minh, thống kê, đánh giá thiệt hại báo cáo cấp trên.

Ngày 16/7/2021, **Ban Q2** đã gửi Tờ trình số 127/BQL-KHKT về việc xin khai thác tận thu rừng trồng thông bị cháy tại khoảnh 1, 3 **tiểu khu A**; khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 **tiểu khu A**; khoảnh 1 **tiểu khu A** đến **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T** (gọi tắt là **Sở N**) xin chủ trương khai thác tận thu gỗ rừng thông bị cháy (Kèm theo tờ trình là 02 biên bản kiểm tra, xác minh, đo đạc hiện trường 02 vụ cháy gây ra do Hạt kiểm lâm **thị xã H** lập).

Khoảng đầu tháng 7/2021, **Lê Hồng K** - Giám đốc **Công ty TNHH MTV T12** (gọi tắt là **Công ty T12**) đã liên hệ với **Hoàng Phước T3** - Giám đốc Ban QLRPH **Hương T6** để đề nghị cho **Công ty T12** thiết kế phương án và dự toán khai thác tận thu gỗ rừng bị thiệt hại do cháy thuộc quản lý của **Ban Q2** (gọi tắt là phương án khai thác tận thu), được **Hoàng Phước T3** đồng ý. **Lê Hồng K** và **Hoàng Phước T3** thống nhất tiến hành lập phương án khai thác tận thu, trước khi chưa có ý kiến của **Sở NNPTNT** và trước khi ký kết hợp đồng.

Lê Hồng Khanh căn cứ Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của **Ủy ban nhân dân tỉnh T** về quy trình xây dựng hồ sơ thiết kế, dự toán áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (gọi tắt là Quyết định 1382) để lập phương án khai thác tận thu. **Lê Hồng K** đã thu thập số liệu, bản đồ, tài liệu có liên quan đến thiết kế trồng rừng tại khu vực bị cháy, tiến hành phân thửa lô, bóc tách hiện trạng, lập bản đồ thiết kế ngoại nghiệp (lập vị trí các ô tiêu chuẩn để phục vụ công tác thiết kế ngoại nghiệp). **Lê Hồng K** thuê **Trương Ngọc Đ** (**Đ** là nhân viên của **Trung tâm Q1** là đơn vị thẩm định sau này) và **Đ** tiếp tục thuê **Lê Bá H3**, **Nguyễn Quốc T7**, **Lê Hữu T8** - cùng là nhân viên của **Trung tâm Q1** thuộc **Sở N** (gọi tắt là **Trung tâm Q3**) tiến hành thiết kế ngoại nghiệp phương án khai thác tận thu. **Lê Hồng K** trực tiếp trao đổi nội dung công việc, cung cấp bản đồ thiết kế ngoại nghiệp cho **Trương Ngọc Đ** để **Đ** phổ biến, cung cấp cho 03 người còn lại. Nội dung thực hiện thiết kế ngoại nghiệp gồm tiến hành xác định lô rừng theo khu vực thiết kế, kiểm đếm, đo đường kính thân cây, chiều cao và xác định phẩm chất cây trong ô tiêu chuẩn, theo ba loại A, B, C. **Lê Hồng K** trả cho nhóm 04 người này 24.000.000 đồng tiền công thiết kế ngoại nghiệp.

Quá trình thực hiện thiết kế ngoại nghiệp, **Trương Ngọc Đ**, **Lê Bá H3**, **Nguyễn Quốc T7**, **Lê Hữu T8** chia thành 02 nhóm (nhóm 01 gồm **Trương Ngọc Đ** và **Lê Bá H3**, nhóm 02 gồm **Nguyễn Quốc T7** và **Lê Hữu T8**) sử dụng thiết bị

định vị GPS, thước dây để thực hiện việc đo đếm số cây trong ô tiêu chuẩn. Việc đánh giá phẩm chất cây, **Đ** cùng các nhóm ngoại nghiệp phân loại A, B, C theo quy định tại Quyết định số 1382/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm: Đối với cây to, thân thẳng, không bị sâu bệnh, lá cây sau cháy vẫn còn xanh là phẩm chất A; loại B là cây hơi cong, phân nhánh sớm; loại C là những cây cong queo, bị sâu bệnh, lá cây sau cháy ngả màu vàng. Đối với cây có phẩm chất B và C thì có ghi vào sổ, còn cây có phẩm chất A thì để trống không ghi; riêng về chiều cao của cây chỉ ước chừng bằng mắt, không có thước đo chiều cao (**thước B**) theo quy định, một số cây nhỏ không tiến hành đo đếm. Thời gian thực hiện thiết kế ngoại nghiệp từ ngày 05/7/2021 đến ngày 13/7/2021, riêng **T7** và **Tín** chỉ làm từ ngày 05-06/7/2021. Kết quả thiết kế ngoại nghiệp, **Trương Ngọc Đ** tập hợp dữ liệu và chuyển lại cho **K. Lê Hồng K** trực tiếp thực hiện công tác nội nghiệp. Về phẩm chất cây, **K** không lấy kết quả đánh giá theo số liệu ngoại nghiệp mà **Đ** đã cung cấp mà căn cứ vào đánh giá của **Hạt kiểm lâm thị xã H** (mức độ thiệt hại rừng 100%, rừng không có khả năng phục hồi) tại các biên bản kiểm tra, xác minh đo đạc hiện trường vụ cháy ngày 28/6/2021 và ngày 02/7/2021 để điều chỉnh phẩm chất cây (số liệu phẩm chất cây do **Trương Ngọc Đ** cung cấp) từ loại A, B, C thành toàn bộ sang loại C, vì cho rằng như vậy mới phù hợp với kết luận tại các biên bản xác minh. Sau khi điều chỉnh phẩm chất cây, **Lê Hồng K** đã trao đổi cho **Trương Ngọc Đ** biết thì **Đ** nói rằng việc điều chỉnh phẩm chất cây là việc của **K**, còn **Đ** không liên quan. **Lê Hồng K** đã hoàn thành và chuyển phương án khai thác tận thu cho Ban QLRRPH **Hương T6** vào ngày 19/7/2021.

Ngày 20/7/2021, Sở NNPTNT có Công văn số 1470/SNNPTNT-KL về việc đồng ý cho **Ban Q4** khai thác tận thu gỗ rừng thông bị cháy. **Ban Q2** đã ký Hợp đồng kinh tế số 15/2021/HĐKT-LP ngày 20/7/2021 với **Lê Hồng K** - Giám đốc **Công ty T12** để lập phương án khai thác tận thu và ký Hợp đồng số 22/HĐ21 ngày 20/7/2021 với **Lê H** - Giám đốc **Trung tâm Q3** về việc thẩm định phương án khai thác tận thu.

Ngày 21/7/2021, **Lê Hồng K** liên hệ với **Lê H** đến Trung tâm QHTKNLN chuyển hồ sơ và phối hợp thực hiện thẩm định. **Lê H** phân công **Trương Ngọc Đ** thực hiện thẩm định ngoại nghiệp. **Trương Ngọc Đ** nhận nhiệm vụ mà không báo cáo cho **Lê H** biết việc **Đ** đã tham gia thiết kế ngoại nghiệp phương án này cho **Công ty T12**. Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2021, **Trương Ngọc Đ** cùng **Lê Hồng K** đi hiện trường ngoại nghiệp, **Trương Ngọc Đ** lựa chọn 04 lô (18 ô tiêu chuẩn) để tiến hành thẩm định ngoại nghiệp. Do đã thực hiện thiết kế ngoại nghiệp nên **Đ** không tiến hành các nội dung thẩm định theo quy định tại Quyết định số 1382, **Đ** chỉ đến vị trí 18 ô tiêu chuẩn, bấm định vị và chụp ảnh ô tiêu chuẩn. Đến 15 giờ ngày 21/7/2021, **Trương Ngọc Đ** kết thúc việc thẩm định ngoại nghiệp. Sau khi thẩm định ngoại nghiệp, **Đ** điện thoại yêu cầu **Lê Hồng K** cung cấp file số liệu mà **Đ** đã gửi cho **K** trước đây của các ô tiêu chuẩn, **K** gửi file số liệu đã chỉnh sửa phẩm chất cây (loại C) cho **Đ** qua mạng xã hội Zalo. **Đ** kiểm tra, đối chiếu số liệu của **K** với số liệu ngoại nghiệp trước đây của **Đ** và nhận thấy có sự điều chỉnh về phẩm chất cây (từ loại A, B thành loại C). **Trương Ngọc Đ** nhận thấy **Lê Hồng K** giải thích về việc toàn bộ phẩm chất cây phải là loại C, vì cơ quan chức năng đã đánh giá rừng không có khả năng phục hồi, nên

Đ đồng ý và chỉ điều chỉnh một ít về kích thước của các cây trong số liệu do Lê Hồng K cung cấp và ghi ra biểu mẫu giấy đưa cho Lê H vào ngày 22/7/2021. (Phẩm chất cây loại A có sản lượng lớn hơn B và loại B lớn hơn loại C).

Trong thời gian thẩm định phương án và dự toán khai thác gỗ rừng thông, Lê H có về làm việc với Hạt kiểm lâm thị xã H khi thấy ở khu vực phường P có một số cây đang phục hồi, Lê H đề nghị Lê Hồng K xem lại về phẩm chất cây, Lê Hồng K đã có điều chỉnh một số cây ở khu vực này sang loại B. Lê H không kiểm tra hoặc yêu cầu Trương Ngọc Đ kiểm tra lại toàn bộ những lô đã thiết kế, thẩm định mà cho rằng Công ty T12 chịu trách nhiệm về các lô còn lại.

Sau khi nhận số liệu thẩm định do Trương Ngọc Đ cung cấp, Lê H chuyển tiếp file số liệu cho Lê Hồng K để Lê Hồng K soạn thảo 03 văn bản thẩm định gồm: Biên bản thẩm định hiện trường; biên bản thẩm định hồ sơ; báo cáo kết quả thẩm định phương án khai thác tận thu. Sau khi soạn thảo các văn bản xong, Lê Hồng K chuyển file 03 văn bản này cho Lê H để kiểm tra và ký vào các văn bản. Lê Hồng K đến Trung tâm QHTKNLN để ký các biên bản thẩm định; đồng thời Lê H ký vào 03 văn bản này và chuyển cho Ban QLRPH Hương T6 để ký xác nhận. Nguyễn Đăng P2, Trưởng phòng Phòng kế hoạch kỹ thuật - Ban QLRPH Hương T6 là người tham mưu để ký các biên bản thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định phương án khai thác tận thu gỗ thông. Nguyễn Đăng P2 và Hoàng Phước T3 không tham gia gì vào việc thẩm định, không biết việc thẩm định đúng hay sai nhưng P2 vẫn ký tất vào các văn bản và trình Hoàng Phước T3 ký xác nhận vào 02 biên bản thẩm định, 01 báo cáo kết quả thẩm định do Trung tâm Q3 lập.

Quá trình thực hiện thiết kế, thẩm định phương án khai thác tận thu gỗ thông, Ban QLRPH Hương T6 không thể hiện việc bàn giao hiện trường rừng với Công ty T12 và Trung tâm Q3, không thực hiện việc kiểm tra, theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng.

Căn cứ phương án khai thác tận thu do Công ty T12 lập và báo cáo kết quả thẩm định phương án khai thác tận thu của Trung tâm Q3 lập ngày 26/7/2021 có xác nhận của đơn vị chủ rừng là Ban QLRPH Hương T6. Nguyễn Đăng P2 đã tham mưu cho Hoàng Phước T3 ký Tờ trình số 139/TTr-BQL-KHKT ngày 27/7/2021 gửi Sở NNPTNT đề nghị phê duyệt phương án khai thác tận thu (Hồ sơ được gửi đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh T).

Ngày 05/8/2021, Sở NNPTNT ra Quyết định số 573/QĐ-SNNPTNT phê duyệt phương án và dự toán khai thác tận thu 157,87ha gỗ rừng trồng sản xuất bị thiệt hại do cháy rừng của Ban Q2, gồm 46 lô tại các tiểu khu A, 152, 159; theo dự toán khai thác, doanh thu là 6.299.546.000 đồng, tổng sản lượng cây đứng là 16.999,4m³, tổng sản lượng thương phẩm là 10.212,9m³ trong đó gỗ thông 8.512,9m³, củi 1.700m³.

Ngày 20/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh T có quyết định phê duyệt giá khởi điểm đấu giá khai thác tận thu gỗ rừng trồng sản xuất bị thiệt hại do cháy rừng của Ban Q2, giá khởi điểm là 4.365.442.000 đồng.

Sau khi hồ sơ phương án khai thác tận thu được phê duyệt, Ban Q2 đã thanh toán hợp đồng kinh tế cho Công ty T12 với số tiền 416.051.000 đồng và

thanh toán hợp đồng cho **Trung tâm Q3** số tiền 84.468.000 đồng. **Lê H** chỉ đạo **Trương Ngọc Đ** tạm ứng số tiền 42.000.000 đồng từ số tiền thanh lý hợp đồng đưa cho **Lê Hồng K** để trả tiền nhân công tham gia phối hợp thẩm định ngoại nghiệp, làm các biên bản thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định. **Lê Hồng K** nhận số tiền trên, chia cho **Trương Ngọc Đ** 3.000.0000 đồng, số tiền còn lại sử dụng cá nhân.

Ngày 11/10/2021, **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tỉnh T** tổ chức đấu giá khai thác tận thu 157,87 ha gỗ rừng trồng của Ban QLRPH Hương Thủy, kết quả đấu giá **Nguyễn Đăng Sáu T9** đã trúng đấu với số tiền 5.599.999.000 đồng. Sau đó, **Nguyễn Đăng Sáu T9** bán lại cho vợ chồng ông **Lê Ngọc T10** và **Nguyễn Thị H4** 6.500.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2022, ông **Lê Ngọc T10** và **Nguyễn Thị H4** đã khai thác 157,78 ha tại khu vực rừng thông cháy thuộc **Ban Q2**, bán lại cho ông **Nguyễn Anh L1** và **Phạm Văn V1** ở tại **thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị** tổng cộng là 15.338,65 tấn gỗ (quy đổi là 19.920,32 m³). Riêng tại **Tiểu khu A xã P** còn 10,77 ha rừng thông chưa khai thác, với sản lượng gỗ chưa khai thác là 868 m³.

Tại Kết luận giám định số 141/KLGD-PVTTB ngày 26/10/2022 của Phân viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** về các nội dung trung cầu giám định tại Quyết định số 04/QĐ-ANĐT ngày 31/8/2022 của Cơ quan an ninh điều tra **Công an tỉnh T** kết luận: Chênh lệch giữa sản lượng gỗ tại hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt với sản lượng gỗ theo kết quả giám định là 11.454,0m³, tăng (tăng 134,5%); xác định các nguyên nhân dẫn đến chênh lệch sản lượng gỗ khai thác thực tế và sản lượng gỗ trong hồ sơ đã được phê duyệt như sau:

- Số liệu điều tra về mật độ cây trong các ô tiêu chuẩn khi điều tra xây dựng hồ sơ thiết kế khai thác tận thu chưa sát với thực tế.
- Số liệu điều tra chiều cao vút ngọn của các cây trong ô tiêu chuẩn khi điều tra xây dựng hồ sơ thiết kế khai thác chưa sát với thực tế.
- Dữ liệu đánh giá về phẩm chất cây trong các ô tiêu chuẩn do đơn vị tư vấn thiết kế đánh giá chưa phản ánh sát với thực tế.
- Diện tích các lô khai thác trong hồ sơ thiết kế thấp hơn so với kết quả giám định.
- Trong quá trình xử lý số liệu đã có sự sai lệch về cỡ kích, sai lệch về số lượng cây, sai lệch về phẩm chất cây so với số liệu điều tra trên các ô tiêu chuẩn tại hiện trường (số liệu ghi trên tập giấy ô ly).
- Một số lô trong hồ sơ thiết kế xác định là không có sản lượng nhưng thực tế vẫn có cây **T11** mọc rải rác, khi khai thác rừng đơn vị khai thác đã chặt những cây này.

Kết luận định giá tài sản số 4167/KL-HĐDGTS ngày 17/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Thừa Thiên Huế xác định giá trị sản lượng gỗ thông 11.454,0m³ tại thời điểm tháng 7 năm 2021, sau khi trừ đi các chi phí sản xuất là 5.568.282.000 đồng.

Vật chứng và các đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Tạm giữ của bị cáo **Lê H** 01 thùng máy tính CPU màu đen, có chữ “ROSI”; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP màu trắng; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, số IMEI 359469085383358, màu trắng.

- Tạm giữ của bị cáo **Lê Hồng K** 01 máy tính xách tay, hiệu Surface Pro, màu xám; 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro, màu xanh, số máy MGJQ3LL/A.

- Tạm giữ của bị cáo **Trương Ngọc Đ** 01 máy tính xách tay, hiệu DELL, màu đen; 01 điện thoại di động, hiệu OPPO F11 PRO, màu xanh-đen-tím, IMEI 1: 863980046554233, IMEI 2: 863980046554233.

- Tạm giữ của bị cáo **Hoàng Phước T3** 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14, màu đen, số IMEI 350654411687080, số IMEI 2 350654412196073; 01 thùng máy tính CPU màu đen, nhãn hiệu HP, số seril: SG411QM4S.

- Tạm giữ của bị cáo **Nguyễn Đăng P2** 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu xanh rêu, IMEI 353900107716031; 01 thùng máy tính CPU màu đen, có dòng chữ FPT ELEAD.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục một phần hậu quả với số tiền như sau:

- Lê Hạ nộp 100.000.000 đồng.
- **Trương Ngọc Đ** nộp 300.000.000 đồng.
- **Lê Hồng K** nộp 50.000.000 đồng.
- **Hoàng Phước T3** nộp 260.000.000 đồng.
- **Nguyễn Đăng P2** nộp 10.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo **Lê Hồng K**, **Trương Ngọc Đ**, **Lê H**, **Hoàng Phước T3**, **Nguyễn Đăng P2** phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hồng K** 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 30/6/2023.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Lê Hồng K** làm công việc liên quan đến lâm nghiệp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Ngọc Đ** 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 30/6/2023.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Trương Ngọc Đ** làm công việc liên quan đến lâm nghiệp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360, điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê H** 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến ngày 30/6/2023.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Lê H** đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

- Căn cứ điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360, điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Hoàng Phước T3** và **Nguyễn Đăng P2**.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Phước T3** 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Hoàng Phước T3** đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo **Hoàng Phước T3** cho **Ban Q2**, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đăng P2** 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Nguyễn Đăng P2** đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo **Nguyễn Đăng P2** cho **T3** cho **Ban Q2**, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo **Lê Hồng K**, **Trương Ngọc Đ**, **Lê H**, **Hoàng Phước T3**, **Nguyễn Đăng P2** có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm làm rõ một số nội dung sai sót của Kết luận giám định số 141/KLGD-PVTTB ngày 26/10/2022 của Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** để xác định thiệt hại mà các bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến như sau: Mặc dù Kết luận giám định số 141/KLGD-PVTTB ngày 26/10/2022 của Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** có nhiều sai sót nhưng đã được khắc phục tại Báo cáo số 48/BC-PVTTB ngày 23/4/2023 của Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** và các tài liệu chứng cứ khác nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng kết luận giám định có sai sót như sau nhưng cấp sơ thẩm không xem xét:

- Việc tính toán mật độ cây ở khu vực giám định.
- Phẩm chất cây tại khu vực giám định.
- Áp dụng văn bản hết hiệu lực trong kết luận giám định.
- Áp dụng hệ số quy đổi từ mét khối sang tấn.
- Theo quy định tại Điều 210 và 211 Bộ luật Tố tụng hình sự thì trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ thì

cần giám định bổ sung, trong trường hợp có nghi ngờ về kết luận giám định lần đầu không chính xác thì cần tiến hành giám định lại. Từ đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử phúc thẩm các bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, Giám định viên đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo cho rằng:

[2.1] Kết luận giám định số 141/KLGD-PVTTB ngày 26/10/2022 của Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** có nhiều sai sót dẫn đến thiếu khách quan khi đánh giá hành vi phạm tội cũng như thiệt hại mà các bị cáo gây ra trong quá trình khắc phục hậu quả.

[2.2] Đơn vị giám định đã áp dụng văn bản pháp luật hết hiệu lực để làm căn cứ thực hiện việc giám định.

Tại Báo cáo giải trình số 48/BC-PVTTB ngày 23/4/2023 của Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** cho rằng: Tại thời điểm giám định ngoài Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của **Bộ N1** hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên và Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của **UBND tỉnh T** ban hành quy trình xây dựng hồ sơ thiết kế, dự toán áp dụng trong khai thác gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thì không có văn bản nào khác hướng dẫn chi tiết các nội dung có liên quan đến xây dựng hồ sơ thiết kế khai thác. Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 được xây dựng căn cứ vào Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT của **Bộ N1** nhưng Thông tư số 87 đã hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 (được bãi bỏ bởi Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 26/11/2018).

Lẽ ra trong trường hợp này các cơ quan tiến hành tố tụng phải có văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn theo đúng quy định của pháp luật mà cụ thể là **UBND tỉnh T** và **Bộ N1**.

[2.3] Đơn vị giám định sử dụng phương pháp dùng lô đối chứng có tính chất tương đồng để giám định khu vực rừng đã khai thác thực hiện theo phương pháp giả thuyết. Đây là phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu để so sánh đối tượng, hiện tượng chưa biết với đối tượng, hiện tượng đã biết. Phương pháp này là một kết luận mang tính giả định, có tính chủ quan nên giả thuyết có thể phù hợp, không hoàn toàn phù hợp hoặc không phù hợp. Trong khi diện tích rừng bị cháy hiện trường vẫn còn một số diện tích rừng chưa khai thác, cụ thể là trong 157,87ha rừng trồng sản xuất bị thiệt hại do cháy thì còn 11ha rừng chưa khai thác hiện nay bà **Nguyễn Thị H4** đang xin tiếp tục khai thác thì cơ quan giám định không tiến hành giám định khu vực còn lại mà lại tiến hành giám định các lô rừng bên cạnh nằm ngoài khu vực thiết kế chưa khai thác có điều kiện

giống (tương đồng) để làm đối chứng với phần diện tích rừng đã khai thác là không khách quan và sai mục đích.

Quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã nhận thấy được sai sót nêu trên của Kết luận giám định số 141/KLGD-PVTTB ngày 26/10/2022 của Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** và đã trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu giám định lại sự chênh lệch sản lượng gỗ giữa phương án khai thác tận thu và khai thác thực tế để làm cơ sở định giá lại tài sản bị thiệt hại. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không trả hồ sơ yêu cầu giám định lại hoặc giám định bổ sung mà chỉ yêu cầu Phân Viện điều tra, quy hoạch rừng **Trung Trung B** có bản giải trình là không đúng quy định tại Điều 29 của Luật Giám định tư pháp:

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật này.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để giao điều tra, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 BLTTHS.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lê Hồng K, Trương Ngọc Đ, Lê H, Hoàng Phước T3, Nguyễn Đăng P2** về việc hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan an ninh điều tra **Công an tỉnh T** để điều tra, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. *Nơi nhận:*

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế (02);
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng